

Tuồng xưa



Tuồng còn gọi là hát bội, từng được xem là quốc kịch của Việt Nam. Có thể nói Tuồng có một vị trí rất lớn trong đời sống của mọi tầng lớp nhân dân. Thời trước, dân ta có tục bói tuồng đầu xuân, từ mùng 1 đến mùng 10 Tết, mua vé vào xem giữa lúc tuồng đang diễn, để gặp cảnh ngộ nào xuất hiện trên sân khấu thì dựa theo mà suy đoán về số mệnh của mình trong năm tới. Đương nhiên bói tuồng kiểu thế chỉ là trò giải trí chứa đựng yếu tố mê tín. Giờ đây chúng ta bói tuồng kiểu khác. Tuy nhiên thế cũng đủ để thấy được nghệ thuật tuồng đã có chỗ đứng như thế nào trong kho tàng nghệ thuật truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Tuồng thật sự là một loại hình truyền thống độc đáo, không những của riêng dân tộc Việt Nam mà trên thế giới người ta vẫn nhắc tới nó bằng một thái độ vô cùng trân trọng. Chúng ta hãy cùng nhau điểm qua những bước đường thịnh suy của nghệ thuật tuồng để rồi qua đó có cơ sở dự báo cho tương lai.

Khởi nguồn từ hát bội. Tuồng là loại hình kịch hát rất đặc thù của Việt Nam, vốn có gốc gác rất lâu đời từ các hình thức diễn xướng dân gian và được ghi nhận thời điểm chính thức xuất hiện là vào khoảng đầu thế kỷ 14 đời Trần. Theo "Đại Việt sử ký toàn thư" của Ngô Sĩ Liên" thì trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên xâm lược quân đội nhà Trần bắt được tù binh Lý Nguyên Cát là một kép hát tên tuổi ở phương Bắc. Triều đình bèn giữ lại để biểu diễn nghệ thuật cho vọng tộc của mình. Tiếp nhận nhiều điểm phù hợp trong hí khúc của Trung Hoa cùng với sự khéo léo của nền ca múa nhạc bản địa, tuồng Việt ra đời từ đó...

Sự ảnh hưởng của hí khúc Trung Hoa đã không chỉ diễn ra một lần. Tuy nhiên tiến trình giao thoa văn hoá đã khiến tuồng Việt Nam tạo lập được những đặc trưng riêng biệt. Từ thế kỷ thứ 15 nhà Lê đã quan niệm nghệ thuật sân khấu là trò du hí tiêu nhân và ban hành văn bản quy định địa vị xã hội của diễn viên ngang hàng với trộm cướp ? Chính sách hà khắc đó đã khiến tuồng không thể nào phát triển được suốt một thời gian dài, ít nhất thì cũng là ở ngoài lề cho mãi đến thế kỷ 16.

Có một điều may mắn là đến thời nhà Nguyễn thì các vua chúa thường rất ưa chuộng tuồng, họ coi hát bội là một công cụ tuyên truyền đầy hấp dẫn cho hệ thống chính trị và bạo lực mà họ đã đề cao. Tuồng vì thế đã tìm được đất dung thân. Vở tuồng "Sơn hậu" là kịch bản thành văn đầu tiên của tương truyền do Đào Duy Từ khởi thảo vào giai đoạn ông phục vụ dưới trướng của chúa Sãi.

Tuồng càng được phát triển cực thịnh ở thời vương triều Nguyễn. Vào thời niên hiệu Minh Mệnh thứ 5 (1825), Thanh Bình Tứ Đường được thành lập đây là nhà thờ tổ của ngành hát bội nói riêng và của giới sân khấu nói chung. Bao quanh tứ đường là Thanh Bình thự, cơ quan quản lý việc múa hát ở cung đình và đào tạo nghệ nhân từ lứa tuổi đồng ấu. Di tích này hiện tọa lạc tại thành phố Huế.

Sang đến niên hiệu Minh Mệnh thứ 6 thì Duyệt Thị Đường là nhà hát tuồng quốc gia được xây dựng quy mô trong Tử Cấm Thành. Dịp ngũ tuần đại khánh của nhà vua, vở tuồng Quân tiên hiển thọ do Nguyễn Bá Nghi soạn đã được công diễn. Điều thú vị là đích thân vua Minh Mệnh đã tham gia viết một đoạn trong kịch bản. Đến đời vua Tự Đức chấp chính thì tuồng đã được nâng cao và hoàn chỉnh hơn về nhiều phương diện. Vị Hoàng đế hay chữ ấy đã cho xây dựng nhà hát tuồng mang tên Minh Khiêm đường trong Khiêm Cung (Lăng Tự Đức ngày nay), chiêu tập kép hay, đào đẹp về Phú Xuân. Lại còn tổ chức ban hiệu thụ chuyên sáng tác, nhuận sắc hiệu đính kịch bản tuồng, chuyển phương bản thành kinh bản. Đây là nơi quy tụ rất nhiều bậc tài hoa như Nguyễn Hữu Đinh, Ngô Quý Đồng, Hồ Quý Thiều... mà đứng đầu là Đào Tấn.

Trước kia một vở tuồng chỉ gồm một đến ba hồi, mỗi hồi dài một đêm, đến giai đoạn sau này đã xuất hiện thêm rất nhiều vở tuồng được coi là "kỳ vĩ trường thiên" như "Học lâm" (20 hồi), hay như "Vạn cửu trình tường" (216 hồi) nghĩa là nếu diễn liên tục từ đầu đến cuối thì phải mất tới gần một năm trời.

Bước sang thế kỷ 20 tuồng vẫn được coi là Quốc kịch của Việt Nam, có thể nói trong suốt khoảng thời gian từ thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 hát bội gần như vẫn chiếm độc quyền trên toàn bộ lãnh thổ nước ta, trong thời kỳ này ở đồng bằng Bắc bộ ngoài tuồng ra còn có chèo và múa rối. Nhưng cả hai loại hình nghệ thuật sân khấu này đều là hình thức sân khấu dân gian và nó cũng chỉ tồn tại ở nông thôn miền Bắc chứ không tồn tại ở miền Nam và chưa bao giờ có quy mô ảnh hưởng lớn như tuồng.

Riêng tính tại Huế những năm đầu thế kỷ 20, không kể các nhà hát cung đình thì đã có 14 rạp tuồng phục vụ quần

chúng. Nổi tiếng nhất là rạp Đồng Xuân lâu mà dân địa phương quen gọi là "rạp Bà Tuần" được xây dựng từ năm 1923. Cần nói thêm rằng song song với dòng tuồng cung đình (tuồng ngự) dòng tuồng dân gian vẫn tiếp tục nảy nở và tạo nên vẻ đẹp thi vị và phù hợp với thị hiếu của đại đa số quần chúng, trong đó đáng kể nhất là những vở tuồng đã ngay lập tức thu hút thị hiếu của nhiều khách đến xem bởi bó gán với hiện thực cuộc sống gắn với "bụi bặm đời thường".

Đã có không ít vở tuồng mang tính hài hước nhằm diễu cợt thói hư tật xấu của con người hoặc châm chọc những viên quan những nhiều dân lành. Có thể kể ra đây những vở như: Trương Ngáo; Nghêu, Sò, Ốc, Hến... Trước đây tuồng được phân làm hai loại chính là: Tuồng đồ và Tuồng pho. Tuồng đồ không theo tích truyện Tàu, Quân tiên hiền thọ, Vạn bửu trình tường, Lý Phụng Đình... Tuồng pho dựa vào tích truyện Trung Hoa như các vở: Đãng khấu, Tống Sứ, Hộ sanh đàn... Kể từ năm 1911, sau khi Phan Bội Châu sáng tác tuồng Trưng Nữ Vương đã ngay lập tức làm dấy lên phong trào biên soạn tuồng có nội dung rút từ sử Việt như: Đông A song phụng của Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trãi của Từ Diên Hồng... Một xu hướng nữa góp phần cách tân tuồng bản cần ghi nhận là chuyển thể kịch Tây Phương thành tuồng Việt mà người tiên phong là Ưng Bình Thúc Gia Thị với vở hát bội "Lộ Địch" được phóng tác từ vở kịch "Le Cid của Prierre Corneille" (Pháp).

Và tuồng cứ thế phát triển, trải qua một số năm bị cấm diễn ở miền Bắc vì bị cho rằng đó là sản phẩm của phong kiến, mãi cho đến năm 1954, nhà nước đã chủ trương phát huy văn hoá dân tộc và quan tâm đến hát tuồng và hát bội cũng như chèo, cải lương... Nhà hát tuồng Việt Nam được thành lập ở miền Bắc. Còn ở miền Nam tuồng lại được hoạt động chủ yếu bởi tư thương đứng lên thầu và điều khiển. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa thì tuồng vẫn đã, đang và sẽ mãi có một chỗ đứng trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Và biết đâu đấy bội tuồng sẽ lại xuất hiện trở lại với chúng ta trong những năm tới...